

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/DS-PT

Ngày: 26-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Văn Minh

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 18 tháng 7 và ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2019/TLPT-DS ngày 26/3/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2019, Quyết định tạm ngừng số 55/2019/QĐ-TN ngày 18 tháng 7 năm 2019; Quyết định tạm đình chỉ số 23/2019/QĐ-TĐC ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thụy Thiên H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 24/118, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980, địa chỉ: Số nhà 163/32, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (văn bản ủy quyền ngày 22/6/2016).

- Bị đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đinh Thị Thanh D, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 220/46, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D: Ông Hà Mạnh T – Văn phòng Luật sư Hà Mạnh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trần Thị Xuân O, sinh năm 1978.

+ Bà Trần Thị Diễm M, sinh năm 1980.

+ Ông Trần Minh Quang V, sinh năm 1980.

+ Ông Trần Quang Th, sinh năm 1981.

+ Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ bản án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thụy Thiên H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Trần Thụy Thiên H cho vợ chồng ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Việc vay tiền hai bên có ký Hợp đồng vay tiền có tài sản bảo đảm số 1874, quyển số 03/2014-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2014 do Văn phòng công chứng Uyên Hưng (nay là Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức) chứng nhận. Theo Hợp đồng này, ông N và bà M vay bà H số tiền 2.000.000.000 đồng không lãi suất trong thời hạn 06 tháng. Khi giao nhận tiền, ông N, bà M đã ký giấy nhận tiền ngày 23/5/2014. Để đảm bảo cho việc vay tiền, ông N và bà M thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01518 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp cho ông Trần Minh N ngày 14/7/2008. Sau khi ký hợp đồng bà H đã đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Đến hạn, ông N, bà M không trả tiền nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho bà H tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) đã vay theo Hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo đề ngày 23/5/2014, không yêu cầu tính lãi suất.

- Trong trường hợp ông N và bà M không trả hoặc trả không đầy đủ nợ thì bà H được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa 121, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 461257, sổ vào sổ H01518 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp cho ông Trần Minh N ngày 15/8/2008) theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo đề ngày 23/5/2014 giữa bà Trần Thụy Thiên H với ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án.

- Bị đơn Trần Minh Nghĩa và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 23/5/2014, vợ chồng ông N, bà M có cho bà Đinh Thị Thanh D (là con dâu của thông gia ông N) mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì bà D nói có khó khăn nên mượn vợ chồng ông N, bà M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 06 tháng. Vì là chỗ người thân trong gia đình nên vợ chồng ông N, bà M đồng ý cho bà D mượn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 461257, sổ vào sổ H01518 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp ngày 14/7/2008 đứng tên ông Trần Minh N. Khi vợ chồng ông N, bà M cho bà D mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà D có viết cho vợ chồng ông N, bà M “Giấy mượn tiền” đề ngày 23/5/2014 có nội dung là bà D mượn vợ chồng ông N, bà M số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn là 06 tháng có chữ ký của bà D. Thực tế vợ chồng ông N, bà M không cho bà D mượn số tiền 2.000.000.000 đồng mà cho bà D mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sở dĩ bà D viết giấy mượn tiền ngày 23/5/2014 cho vợ chồng ông N, bà M là để đảm bảo việc bà D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vợ chồng ông N, bà M và bà H không quen biết gì nhau, vợ chồng ông N, bà M chỉ cho bà D mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông N, bà M không vay tiền của bà H và cũng không cho bà D vay. Vì tin tưởng nên ông N, bà M có ra văn phòng công chứng ký hợp đồng thế chấp theo sự sắp đặt của bà H và bà D.

Cùng ngày 23/5/2014, bà D và bà H chở ông N, bà M đến Văn phòng Công chứng Uyên Hưng (nay là Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức) để chứng thực “Hợp đồng vay tiền có tài sản bảo đảm” và vợ chồng ông N, bà M có ký giấy nhận tiền ghi “Biên Hòa ngày 23/5/2014” nhưng thực tế là ký ở Văn phòng Công chứng Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên. Vợ chồng ông N, bà M không hiểu tại sao bà H lại ghi là ở Biên Hòa (ông N, bà M không nhớ rõ ai viết Giấy nhận tiền nhưng có thể là bà H viết).

Vợ chồng ông N, bà M không nhận tiền của bà H và cũng không cho bà D mượn tiền. Giữa bà D và bà H vay mượn tiền như thế nào thì vợ chồng ông N, bà M không biết. Do vợ chồng ông N, bà M không có vay mượn tiền của bà H nên không đồng ý trả tiền cho bà H.

Về Giấy nhận tiền ngày 23/5/2014 và Hợp đồng vay tiền có tài sản bảo đảm số 1874, quyền số 03/2014-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2014 vợ chồng ông N, bà M xác nhận là ông, bà có ký vào hai văn bản này nhưng khi ký ông, bà không đọc nội dung ghi trong văn bản nên không biết rõ nội dung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thanh D trình bày:

Bà D và bà H có mối quan hệ là bạn bè. Khoảng năm 2013-2014, bà D có vay của bà H số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Bà H yêu cầu bà D “cần phải có gì đó để làm tin”. Sau đó, bà D có hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất của ông N và bà M giao cho bà H để làm tin. Bà H yêu cầu bà D viết giấy là bà D có nhận của ông N, bà M 2.000.000.000 đồng, đồng thời bà D cũng viết thêm một giấy với nội dung là ông N và bà M có nhận của bà H số tiền 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế ngày 23/5/2014, bà D không nhận tiền của ông N và ông N cũng không nhận tiền của bà H. Số tiền 2.000.000.000 đồng là do bà D vay của bà H nhiều lần trước đó.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông N và bà M trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng thì bà D xác định bà D mới là người vay tiền của bà H, còn vợ chồng ông N không có liên quan gì đến việc vay mượn giữa bà D với bà H. Do đó, bà D xin trình bày với Tòa xem xét giải quyết là tiền ai mượn thì người đó trả còn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho vợ chồng ông N, bà M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Xuân O, bà Trần Thị Diễm M, ông Trần Minh Quang V, ông Trần Quang Th và bà Trần Thị Ngọc L thống nhất trình bày:*

Các ông, bà là con ruột của bị đơn ông N, bà M. Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn. Ngoài ra trên thửa đất số 121, tờ bản đồ 13 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương hiện có 01 căn nhà cấp 4 do ông N, bà M và những người con của ông N, bà M cùng tạo lập, hiện đang sinh sống ổn định. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho các ông, bà. Do bận công việc nên các ông, bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thụy Thiên H đối với bị đơn ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản như sau:

1.1 Về nghĩa vụ thanh toán tiền vay: Ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thụy Thiên H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) là khoản tiền vay theo Hợp đồng vay tiền có đảm bảo được Văn phòng công chứng Uyên Hưng (nay là Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức) chứng nhận số 1874, quyển số 03/2014-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2014 giữa bà Trần Thụy Thiên H với ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

1.2 Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M không thanh toán số tiền trên thì nguyên đơn bà Trần Thụy Thiên H được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên tiến hành phát mãi

tài sản theo hình thức thỏa thuận tại Điều 11 của Hợp đồng vay tiền có đảm bảo được Văn phòng công chứng Uyên Hưng (nay là Văn phòng công chứng Trần Hữu Đức) chứng nhận số 1874, quyền số 03/2014-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/5/2014 giữa bà Trần Thụy Thiên H với ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị M đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 1.743,4m² thuộc thửa số 121, tờ bản đồ số 13 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01518 do UBND huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp cho ông Trần Minh N ngày 14/7/2008.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2018, bị đơn ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo hướng hủy bản án và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 461257, sổ vào sổ H01518 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên cấp ngày 14/7/2008 đứng tên ông Trần Minh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thanh D:

Về tố tụng: Tại thời điểm khởi kiện bà H đang ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, đồng thời sau khi xét xử phúc thẩm lần thứ nhất tuyên hủy bản án sơ thẩm thì Tòa án huyện vẫn tiếp tục giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về tư cách tham gia tố tụng Tòa án không đưa con rể và cháu của ông N, bà M là những người ở trên đất vào tham gia tố tụng là bỏ sót tư cách; không đưa Văn phòng công chứng vào tham gia vụ án là thiếu khách quan. Về nội dung: Đại diện nguyên đơn không xác định được thời điểm giao tiền, giao nhận tiền là bao nhiêu, ở đâu; cấp sơ thẩm không làm rõ mà kết luận thời điểm giao tiền là 23/5/2014 là thiếu cơ sở. Cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ mục đích vay tiền làm gì khi cho vay mà không có lãi suất; tài sản đảm bảo tại thời điểm đó chỉ bằng 1/3 giá trị so với số tiền vay. Bà D thừa nhận số nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận mà chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ là không phù hợp. Khi xử lý tài sản thế chấp không xem xét đến công sức của con ông N. Từ những thiếu sót nêu trên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn; bị đơn ông N;

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Đối chiếu quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ do Tòa án thu thập thì nguyên đơn bà H không có mặt ở Việt Nam vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý giải quyết là vi phạm thẩm quyền xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 22/4/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được Đơn khởi kiện nộp trực tiếp đề ngày 22/4/2016 (BL 16) thể hiện người khởi kiện là bà Trần Thụy Thiên H, địa chỉ: 24/118 khóm 2, khu phố 3, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Trần Thanh T (giấy ủy quyền ngày 22/02/2016 được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự vào ngày 03/3/2016 (BL 25- 31)), cuối đơn khởi kiện ông T ký tên. Ngày 26/4/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo số 05/TB-TA về việc chuyển đơn khởi kiện của bà H đến Tòa án thị xã Tân Uyên để giải quyết theo thẩm quyền (BL14). Ngày 24/5/2016, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên ban hành Thông báo số 148/TB-TA về việc yêu cầu sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện cho bà Trần Thụy Thiên H. Ngày 15/6/2016, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên nhận được Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/6/2016 do bà H ký, kèm theo Giấy cam kết đề ngày 15/6/2016 có nội dung đơn do bà H ký và gửi bưu phẩm từ Mỹ về (BL 5, 6, 7). Ngày 28/7/2016 Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên ra thông báo về việc thụ lý vụ án. Ngày 23/8/2016, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên ra thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) (BL44).

Tại Bản tự khai ngày 11/8/2016, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T có ý kiến bà H hiện đang du lịch Hoa Kỳ nhưng ông T không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi bà H du lịch (BL 47).

Ngày 22/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 328/TA-DS đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bà Trần Thụy Thiên H từ ngày 01/02/2016 đến nay.

Ngày 27/7/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an có Công văn 2137/QLXNC-P5 trả lời từ thời điểm ngày 26/3/2004 đến ngày 28/12/2013 bà Trần Thụy Thiên H đã có 06 (sáu) lần xuất nhập cảnh. Lần xuất cảnh gần nhất ngày 09/8/2014, chưa có thông tin nhập cảnh.

Đối chiếu đơn khởi kiện, thời điểm thụ lý với thông tin xuất nhập cảnh của bà Trần Thụy Thiên H có cơ sở xác định tại thời điểm khởi kiện bà H đã không còn ở nước Việt Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 33 Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2011 quy định: “Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện” và hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số Quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự “Đương sự là người Việt Nam định cư, làm ăn, học tập, công tác ở Việt Nam nhưng không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ việc dân sự”. Đối chiếu quy định nêu trên thì tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bà H đã không còn ở Việt Nam. Như vậy, tại thời điểm nộp đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án bà H không có mặt tại Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý giải quyết là trái với quy định viện dẫn nêu trên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy bản án vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung tranh chấp.

[2] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị M.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị M được miễn nộp án phí. Hoàn trả cho ông N, bà M số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014518, quyển sổ AA/2016 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- TAND thị xã Tân Uyên;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Anh